TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN Đ** **TỈNH LONG AN** Bản án số: 42/2019/DS-ST Ngày: 19-9-2019 V/v tranh chấp hợp đồng vay	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ
2. Ông Nguyễn Minh Vương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đ, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* huyện Cần Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Mỹ Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Ng đơn: Chị Lê Thị Hồng Ng, sinh năm 1996;

Nơi ĐKHKTT: Số 5B Lô 29, đường Phạm Thế H, Phường 4, Quận 8, thành phố H;

Chổ ở hiện tại: Số 559 Ấp Hòa Th, xã Trường B, huyện Cần Gi, tỉnh Long An. *(có mặt)*

2. Bị đơn: Anh Đoàn Hải Ph, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Long S, huyện Cần Đ, tỉnh Long An. *(có mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Như H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Long S, huyện Cần Đ, tỉnh Long An. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2019 và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ng trình bày: chị và anh Ph là bạn với nhau nên trước ngày 09/11/2017 chị đã cho anh Ph vay tiền nhiều lần, những lần vay này không làm giấy tờ, đến ngày 09/11/2017 thì cả hai tự nguyện tính chốt lại số nợ là 68.000.000 đồng. Khi đó anh Ph tự viết giấy xác nhận mượn tiền đưa chị giữ làm tin và thỏa thuận đến tháng 02/2018 sẽ trả lại. Sau đó anh Ph nói gia đình đang cần tiền gấp và hứa chỉ mượn đỡ trong vòng 02 tháng nên đến ngày

05/4/2018 chị đã cho anh Ph vay thêm 116.000.000 đồng, anh Ph cũng tự viết giấy xác nhận mượn tiền đưa chị giữ và hứa ngày 02/5/2018 sẽ trả 50.000.000 đồng, số tiền còn lại đến ngày 02/6/2018 sẽ trả hết nợ. Chị có yêu cầu anh Ph gộp chung hai khoản nợ vào một tờ giấy nợ nhưng anh Ph yêu cầu viết riêng nên chị đang giữ hai giấy xác nhận mượn tiền đối với hai khoản tiền vay của anh Ph. Khi cho vay hai khoản tiền này chị không tính lãi nên không ghi trên giấy xác nhận mượn tiền. Đối với hai khoản tiền vay này chị khẳng định anh Ph chưa trả chị khoản tiền nào. Chị thừa nhận sau khi ký giấy xác nhận mượn tiền ngày 09/11/2017 anh Ph có chuyển khoản trả cho chị các khoản tiền tổng cộng 36.900.000 đồng, nhưng khoản tiền này là anh Ph trả cho chị các khoản vay ngoài khoản vay 68.000.000 đồng, cụ thể dùng để trả các khoản vay gồm khoản vay 25.000.000 đồng chị đã chuyển khoản cho anh Ph vào chiều ngày 09/11/2017 (sau khi anh Ph gút số nợ 68.000.000 đồng) và các khoản vay khác chị không nhớ chính xác do số tiền nhỏ với tổng số tiền là 36.900.000 đồng và anh Ph đã chuyển trả xong nên chị đã không đề cập trong đơn khởi kiện và khi Tòa án mời hòa giải lần đầu tiên chị cũng không trình bày đến, chị không tranh chấp đối với các khoản tiền này. Việc anh Ph trình bày đã trả cho chị các khoản tiền mặt và trả thông qua anh Trần Sỹ Ng là không đúng, chị không nhận bất kỳ khoản tiền nào khác ngoài số tiền đã chuyển khoản 36.900.000 đồng. Lúc cho anh Ph vay tiền chị không tính lãi nhưng anh Ph không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên chị khởi kiện yêu cầu anh Ph phải trả hai khoản nợ gốc tổng cộng là 184.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng.

Chị chỉ giao số tiền vay cho anh Ph nhưng khi anh Ph không trả tiền cho chị, chị có đến nhà anh Ph để yêu cầu trả tiền thì ba anh Ph là ông Đoàn Như H có hứa sẽ trả thay cho anh Ph nên khi nộp đơn khởi kiện chị có yêu cầu ông H cùng liên đới với anh Ph trả nợ cho chị. Nhưng nay ông H không đồng ý trả nợ cho anh Ph thì chị xác định rút lại yêu cầu đối với ông H, chị chỉ yêu cầu anh Ph chịu trách nhiệm trả nợ cho chị, không yêu cầu gì đối với ông H.

- *Tại các tờ tường trình ngày 21/3/2019, 13/5/2019 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Đoàn Hải Ph trình bày*: anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng vì chị Ng trình bày không đúng. Anh thừa nhận anh và chị Ng là bạn bè, trước ngày 09/11/2017 anh có vay chị Ng nhiều lần, đến ngày 09/11/2017 anh và chị Ng mới thỏa thuận chốt lại số tiền anh còn nợ chị Ng tính đến ngày 09/11/2017 là 68.000.000 đồng nhưng vài ngày sau anh mới gặp chị Ng để viết giấy xác nhận mượn tiền. Trong giấy xác nhận mượn tiền không ghi lãi suất nhưng chị Ng yêu cầu anh trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/tháng. Anh đã trả đủ tiền lãi cho chị Ng đến tháng 02/2018, sau đó không trả lãi đầy đủ nên ngày 05/4/2018 chị Ng đã tính thêm số nợ tiền lãi là 48.000.000 đồng và yêu cầu anh viết lại giấy nhận nợ mới với số tiền gốc và lãi là 116.000.000 đồng (bao gồm 68.000.000 đồng tiền nợ gốc và 48.000.000 đồng tiền lãi còn nợ). Lúc viết giấy xác nhận mượn tiền ngày 05/4/2018 anh có yêu cầu đưa lại giấy nợ cũ thì chị Ng nói quên đem theo, do tin tưởng chị Ng nên sau đó anh cũng quên và không yêu cầu chị Ng trả lại giấy xác nhận mượn tiền ngày 09/11/2017. Tính đến nay anh

đã trả chị Ng tổng số tiền là 84.900.000 đồng bao gồm chuyển khoản trực tiếp cho chị Ng là 36.900.000 đồng, chuyển khoản cho anh Trần Sỹ Ng là bạn của chị Ng 10.000.000 đồng, 24.000.000 đồng tiền cầm xe cho anh Trần Sỹ Ng để đưa tiền cho chị Ng và đưa tiền trực tiếp cho chị Ng 14.000.000 đồng. Đối với số tiền 25.000.000 đồng chị Ng chuyển khoản cho anh ngày 09/11/2017 là chuyển khoản trước khi hai bên chốt số nợ và đã tính chung trong số tiền 68.000.000 đồng. Số tiền anh vay của chị Ng để sử dụng làm ăn riêng chứ không liên quan gì đến cha của anh là ông Đoàn Như H. Theo qui định của pháp luật chị Ng chỉ được quyền tính lãi suất 1,6%/tháng nên số tiền gốc và tiền lãi anh có nghĩa vụ trả cho chị Ng là 87.600.000 đồng (bao gồm nợ gốc là 68.000.000 đồng và tiền lãi theo qui định là 19.600.000 đồng). Anh đã trả cho chị Ng tổng cộng 84.900.000 đồng nên anh chỉ đồng ý trả tiếp cho chị Ng số tiền còn nợ là 2.700.000 đồng.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/8/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Như H trình bày*: chị Ng và anh Ph vay mượn tiền với nhau như thế nào ông không biết, khi chị Ng đến nhà ông tìm anh Ph để đòi tiền thì ông mới biết việc anh Ph vay tiền của chị Ng. Khi đó ông có nói với chị Ng sẽ nói chuyện với anh Ph, nếu anh Ph có nợ chị Ng thì ông sẽ nói anh Ph trả nợ, ông không hứa trả nợ thay cho anh Ph như lời chị Ng trình bày tại Tòa án. Do đó, việc chị Ng yêu cầu ông phải liên đới cùng anh Ph trả nợ cho chị Ng là không có căn cứ, ông không đồng ý yêu cầu của chị Ng. Ông không liên quan gì đến việc vay mượn giữa anh Ph và chị Ng nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

- *Tại phiên tòa:*

Ng đơn chị Lê Thị Hồng Ng trình bày: chị khẳng định ngày 05/4/2018 anh Ph đã vay thêm của chị số tiền 116.000.000 đồng vì sau khi nhận tiền anh Ph đã tự viết tờ giấy xác nhận mượn tiền đưa chị giữ để làm tin và đã không lấy lại giấy xác nhận mượn tiền ngày 09/11/2017. Do chị muốn giúp đỡ anh Ph nên tất cả các khoản vay đều không tính lãi. Khi Tòa án mời hòa giải ngày 22/3/2019 chị có trình bày có nhận tiền anh Ph trả lãi với mức lãi suất 10%/tháng là do chị có nhầm lẫn trong cách diễn đạt. Chị khẳng định không nhận khoản tiền nào của anh Ph về việc trả lãi như lời anh Ph trình bày. Chị chỉ nhận số tiền anh Ph chuyển khoản tổng cộng 36.900.000 đồng, không nhận thêm khoản tiền nào khác và các khoản tiền này là trả các khoản anh Ph nợ thêm ngoài số tiền đang tranh chấp chứ không phải trả tiền lãi. Do anh Ph không trả tiền theo đúng hạn đã thỏa thuận nên chị yêu cầu anh Ph phải trả khoản tiền nợ gốc của hai khoản vay tổng cộng là 184.000.000 đồng, tiền lãi của số nợ gốc từ thời điểm vay đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng là 57.951.000 đồng, gốc và lãi tổng cộng là 241.951.000 đồng. Chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh Ph có vay của chị các khoản vay ngoài hai khoản vay đang tranh chấp nhưng chị cam đoan đó là sự thật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Đoàn Hải Ph trình bày: Sau khi chốt số nợ 68.000.000 đồng mặc dù trong giấy xác nhận mượn tiền không ghi tính lãi nhưng thực tế chị Ng

tính lãi 20%/tháng. Khi anh không trả đủ tiền lãi thì chị Ng nhập tiền lãi còn thiếu vào nợ gốc. Thời điểm chị Ng yêu cầu anh viết giấy nợ ngày 05/4/2018 anh có tính số tiền lãi còn nợ lại chưa trả đúng là 48.000.000 đồng nên anh mới viết lại giấy xác nhận mượn tiền với số tiền 116.000.000 đồng, nhưng do đã lâu anh không nhớ cách tính chính xác như thế nào. Anh thừa nhận giấy cho mượn tiền ngày 05/4/2018 là do anh tự viết và ký tên nhưng nội dung trong giấy xác nhận mượn tiền là do chị Ng yêu cầu anh viết theo ý của chị Ng. Anh đã trả chị Ng tổng cộng 84.900.000 đồng nhưng chị Ng chỉ thừa nhận số tiền 36.900.000 đồng qua hình thức chuyển khoản, đối với số tiền 48.000.000 đồng còn lại anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh nhưng anh cam đoan đó là sự thật, anh không có yêu cầu gì đối với anh Trần Sỹ Ng trong vụa án này, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án án đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo hòa giải và tiến hành hòa giải giữa các đương sự nên việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Về nội dung: Giấy xác nhận mượn tiền ngày 09/11/2017 là do anh Ph viết và ký, xác nhận vay của chị Ng 68.000.000 đồng, thời hạn trả vào tháng 02/2018. Hai bên đều xác nhận số tiền vay là 68.000.000 đồng. Trong Giấy xác nhận mượn tiền 09/11/2017 không ghi lãi suất cho vay, tại phiên tòa chị Ng xác định Giấy mượn tiền ngày 09/11/2017 và Giấy xác nhận mượn tiền ngày 05/4/2018 đều không tính lãi suất cho vay, anh Ph cho rằng lãi suất 20%/tháng.

Đối với Giấy xác nhận mượn tiền ngày 05/4/2018 là do anh Ph viết và ký tên, vay 116.000.000 đồng, hẹn trả vào ngày 02/5/2018 số tiền 50.000.000 đồng và số còn lại sẽ hoàn trả vào ngày 02/6/2018, không ghi lãi suất cho vay. Chị Ng cho rằng anh Ph vay 02 lần nên lập hai Giấy xác nhận mượn tiền khác nhau với tổng tiền cho vay là 184.000.000 đồng và anh Ph chưa trả lãi cũng như tiền vốn vay. Anh Ph thì cho rằng Giấy xác nhận mượn tiền 05/4/2018 là do chị Ng gộp số tiền vay 68.000.000 đồng của Giấy xác nhận mượn tiền ngày 09/11/2017 và số tiền lãi 48.000.000 đồng của số tiền vay 68.000.000 đồng thành Giấy xác nhận mượn tiền 05/4/2018 với số tiền vay 116.000.000 đồng. Trong biên bản hòa giải ngày 22/3/2019, chị Ng trình bày rằng "do tin tưởng Ph nên đứng ra vay mượn người khác để đưa tiền cho Ph chứ không phải tiền của tôi nên anh Ph cũng có chuyển khoản tiền cho tôi để tôi trả lãi cho người khác. Số tiền chuyển khoản chính xác bao nhiêu không nhớ nhưng mức lãi suất 10%/tháng". Các lần hòa giải sau này, chị Ng trình bày anh Ph không trả tiền lãi đối số tiền 68.000.000 đồng là không hợp lý vì chị Ng mượn tiền của người khác cho Ph vay nếu Ph không trả tiền lãi, tại sao chị Ng tiếp tục vay tiền người khác để cho Ph vay thêm 116.000.000 đồng và tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2019 chị Ng thừa nhận anh Ph có trả lãi. Hơn nữa, trong khoản thời gian từ tháng 11/2017 đến 6/2018 thì anh Ph có trả tiền lãi cho chị Ng thể hiện qua các Giấy xác nhận giao dịch chuyển tiền cho chị Ng, tất cả số tiền chị Ng nhận là 36.900.000 đồng (ngày 15/12/2017 chuyển 5.750.000 đồng và 3.000.000 đồng, ngày 16/12/2017 chuyển 1.150.000 đồng, ngày 22/01/2018 chuyển 6.000.000 đồng, ngày

27/02/2018 chuyển 4.000.000 đồng và 5.000.000 đồng, ngày 30/3/2018 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 18/6/2018 chuyển 2.000.000 đồng). Chị Ng xác định có nhận số tiền 36.900.000 đồng nhưng cho là để trả cho các khoản vay khác mà Ph đã mượn, chị Ng không chứng minh được còn các khoản vay khác, vì vậy xem đây là tiền mà Ph trả cho chị Ng khi vay tiền theo hai Giấy xác nhận nợ như trên. Do đó, có cơ sở để xác định anh Ph có trả tiền lãi cho chị Ng, số tiền đã trả là 36.900.000 đồng. Đối với số tiền 38.000.000 đồng anh Ph cho rằng đã trả tiền mặt cho chị Ng (trả lần 1 là 24.000.000 đồng, lần 2 là 14.000.000 đồng) không có ai làm chứng và chị Ng cũng không thừa nhận, đối với số tiền 10.000.000 đồng anh Ph cho rằng chuyển khoản cho anh Trần Sỹ Ng nhưng không xác định được người này là ai từ đó không có cơ sở để xác định các khoản tiền anh Ph cho rằng đã trả cho chị Ng.

Đối với Giấy xác nhận mượn tiền ngày 05/4/2018, anh Ph không chứng minh được là tiền cộng dồn từ Giấy xác nhận mượn tiền ngày 09/11/2017 với số tiền cho vay 68.000.000 đồng và tiền lãi là 48.000.000 đồng. Vì vậy, xác định số tiền anh Ph vay theo Giấy xác nhận mượn tiền ngày 09/11/2017 là 68.000.000 đồng, theo Giấy xác nhận mượn tiền 05/4/2018 là 116.000.000 đồng; tổng số tiền anh Ph đã vay 02 lần là 184.000.000 đồng, anh Ph đã trả lãi được 36.900.000 đồng. Đối với số tiền 36.900.000 đồng này đề nghị HĐXX khấu trừ theo quy định pháp luật.

Tại hai Giấy xác nhận mượn tiền không có thể hiện lãi suất cho vay, các bên không thống nhất với nhau về lãi suất, còn có mâu thuẫn về lãi suất cho vay. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS, anh Ph chỉ phải chịu lãi suất tối đa đối với khoản vay này là 10%/1năm.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng Ng là có cở sở để chấp nhận một phần theo phân tích trên.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thị Hồng Ng khởi kiện anh Đoàn Hải Ph là tranh chấp hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với ông Đoàn Như H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Đoàn Như H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Ng khởi kiện tranh chấp với anh Ph đối với 02 khoản vay gồm khoản vay vào ngày 09/11/2017 với số tiền 68.000.000 đồng và khoản vay ngày 05/4/2018 với số tiền 116.000.000 đồng. Chị Ng trình bày hai khoản vay này

đều thỏa thuận không tính lãi nhưng đến nay anh Ph chưa trả khoản tiền nào nên chị yêu cầu anh Ph phải trả lại tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày viết giấy xác nhận mượn tiền đến ngày Tòa án xét xử tổng cộng là 241.951.000 đồng; Ngoài ra ngày 09/11/2017 chị còn chuyển khoản cho anh Ph vay thêm số tiền 25.000.000 đồng và các khoản vay khác không nhớ chính xác số tiền nhưng anh Ph đã chuyển khoản cho chị tổng số tiền là 36.900.000 đồng để trả xong nợ nên chị Ng không yêu cầu đối với các khoản vay này.

[2.2] Theo lời trình bày của anh Ph thì anh Ph chỉ nợ chị Ng duy nhất khoản tiền 68.000.000 đồng theo giấy xác nhận mượn tiền ngày 09/11/2017, không vay thêm bất kỳ khoản tiền nào khác từ chị Ng. Đến ngày 05/4/2018 chị Ng đã yêu cầu anh viết lại giấy xác nhận mượn tiền mới với số tiền 116.000.000 đồng là bao gồm 68.000.000 đồng nợ gốc và 48.000.000 đồng tiền lãi do anh không trả đủ. Từ lúc xác nhận nợ ngày 09/11/2017 đến nay anh Ph đã trả tổng cộng 84.900.000 đồng nên chỉ đồng ý trả tiếp chị Ng số tiền 2.700.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với khoản vay 68.000.000 đồng theo giấy xác nhận mượn tiền ngày 09/11/2017: Chị Ng và anh Ph đều thống nhất số nợ 68.000.000 đồng nên cần xác định đây là sự việc không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.1.1] Anh Ph trình bày đã trả tổng cộng 84.900.000 đồng bao gồm chuyển khoản trực tiếp cho chị Ng là 36.900.000 đồng, chuyển khoản cho anh Trần Sỹ Ng là bạn của chị Ng 10.000.000 đồng, 24.000.000 đồng tiền cầm xe cho anh Trần Sỹ Ng để đưa cho chị Ng và đưa trực tiếp cho chị Ng 14.000.000 đồng nhưng chị Ng chỉ thừa nhận có nhận tổng cộng số tiền 36.900.000 đồng, anh Ph không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh Ph, HĐXX chỉ xác định chị Ng có nhận 36.900.000 đồng do anh Ph chuyển khoản cho chị Ng. Đối với anh Trần Sỹ Ng, anh Ph và chị Ng đều xác định không cung cấp được địa chỉ hiện nay, anh Ph cũng không có yêu cầu gì đối với anh Ng trong vụ án này nên không xem xét.

[3.1.2] Chị Ng trình bày khoản tiền 36.900.000 đồng anh Ph chuyển khoản cho chị là tiền anh Ph trả các khoản vay gồm 25.000.000 đồng chị đã cho anh Ph vay thêm sau khi gút số nợ 68.000.000 đồng và các khoản vay khác không nhớ chính xác nhưng anh Ph không thừa nhận lời trình bày của chị Ng, chị Ng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận lời trình bày của chị Ng. Từ đó, cần xác định số tiền 36.900.000 đồng anh Ph chuyển khoản cho chị Ng là số tiền anh Ph trả cho khoản vay 68.000.000 đồng.

[3.1.3] Anh Ph cho rằng anh đã thỏa thuận với chị Ng tính tiền lãi theo lãi suất 20%/tháng, nên số tiền 36.900.000 đồng anh đã chuyển khoản (cụ thể ngày 15/12/2017 chuyển 5.750.000 đồng và 3.000.000 đồng, ngày 16/12/2017 chuyển 1.150.000 đồng, ngày 22/01/2018 chuyển 6.000.000 đồng, ngày 27/02/2018 chuyển 4.000.000 đồng và 5.000.000 đồng, ngày 30/3/2018 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 18/6/2018 chuyển 2.000.000 đồng) là số tiền lãi anh đã trả cho chị Ng theo mức lãi suất trên. Do anh không trả đầy đủ tiền lãi theo mức lãi suất đã

thỏa thuận nên đến ngày 05/4/2018 chị Ng tính số tiền lãi còn nợ tổng cộng là 48.000.000 đồng nhưng lời trình bày của anh Ph không phù hợp với số tiền trên thực tế nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh Ph.

[3.1.4] Căn cứ vào nội dung giấy xác nhận cho mượn tiền ngày 09/11/2017 có nội dung anh Ph nhận vay của chị Ng 68.000.000 đồng, ngày vay là ngày 09/11/2017 và ngày hẹn trả nợ là tháng 02/2018, trong giấy xác nhận mượn tiền không thể hiện nội dung thỏa thuận tính lãi, chị Ng cũng khẳng định khi cho vay không tính lãi nên cần xác định khoản vay 68.000.000 đồng là khoản vay có kỳ hạn và không tính lãi. Trong giấy xác nhận cho mượn tiền chỉ ghi hạn trả nợ là tháng 02/2018, không ghi cụ thể ngày nào nên cần xác định thời gian trả là ngày cuối tháng 28/02/2018.

[3.1.5] Đối với số tiền 36.900.000 đồng anh Ph đã trả cũng cần tính lại cho phù hợp theo qui định của pháp luật, cụ thể được tính như sau:

- Từ ngày 09/11/2017 đến ngày 27/02/2018, là khoảng thời gian thỏa thuận trả nợ không tính lãi, chị Ng đã nhận tổng cộng 24.900.000 đồng, nên số nợ gốc còn lại = 68.000.000 đồng - 24.900.000 đồng = 43.100.000 đồng.

- Từ ngày 28/02/2018 đến 30/3/2018, anh Ph không thực hiện việc trả nợ nên buộc phải chịu trả lãi, số tiền lãi được tính = 43.100.000 đồng x 0,83%/tháng x 01 tháng 02 ngày = 381.000 đồng. Do đó, số nợ gốc và tiền lãi anh Ph phải trả là 43.481.000 đồng (gồm nợ gốc 43.100.000 đồng + tiền lãi 381.000 đồng). Anh Ph đã trả 10.000.000 đồng, nên số tiền gốc còn nợ lại = 43.481.000 đồng -10.000.000 đồng = 33.481.000 đồng.

- Từ ngày 01/4/2018 đến ngày 18/6/2018, số tiền lãi được tính = 33.481.000 đồng x 0,83%/tháng x 2 tháng 17 ngày = 713.000 đồng. Do đó, số nợ gốc và tiền lãi anh Ph phải trả là 34.351.000 đồng (gồm nợ gốc 33.481.000 đồng + tiền lãi 713.000 đồng). Anh Ph đã trả 2.000.000 đồng, nên số tiền nợ gốc còn lại phải trả = 34.351.000 đồng - 2.000.000 đồng = 32.351.000 đồng.

- Từ ngày 19/6/2018 đến ngày xét xử 19/9/2019, số tiền lãi được tính = 32.351.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng = 4.027.000 đồng.

[3.1.6] Do đó, tổng cộng vốn và lãi đối với khoản vay ngày 09/11/2017 mà anh Ph phải có nghĩa vụ trả cho chị Ng là 36.378.000 đồng (gồm tiền nợ gốc 32.351.000 đồng + tiền lãi 4.027.000 đồng).

[3.2] Đối với khoản vay số tiền 116.000.000 đồng theo giấy xác nhận mượn tiền ngày 05/4/2018:

[3.2.1] Anh Ph cho rằng số tiền 116.000.000 đồng là bao gồm tiền nợ 68.000.000 đồng theo giấy xác nhận cho mượn tiền ngày 09/11/2017 và tiền lãi do anh không trả đủ 48.000.000 đồng nhưng chị Ng không thừa nhận lời trình bày của anh Ph. Việc anh Ph cho rằng số tiền 48.000.000 đồng là số tiền lãi anh Ph còn nợ lại do không trả đủ theo mức lãi suất đã thỏa thuận 20%/ tháng cũng không phù hợp với thực tế và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh Ph. Căn cứ vào nội dung

giấy xác nhận cho mượn tiền ngày 05/4/2018 do anh Ph viết và ký tên, xét thấy yêu cầu của chị Ng là có căn cứ cần chấp nhận.

[3.2.2] Tại nội dung giấy xác nhận cho mượn tiền ngày 05/4/2019 không thể hiện nội dung tính tiền lãi và chị Ng cũng xác định không tính tiền lãi đối với anh Ph nên cần xác định đây là khoản vay có kỳ hạn và không tính lãi. Theo nội dung giấy xác nhận mượn tiền thì hai bên thỏa thuận ngày 02/5/2018 sẽ trả 50.000.000 đồng, số tiền còn lại đến ngày 02/6/2018 sẽ trả hết nợ. Đến nay anh Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nên cần buộc anh Ph phải chịu trả tiền lãi theo qui định của pháp luật. Tiền lãi được tính như sau: từ ngày 03/6/2018 (là ngày đến hạn trả nợ) đến ngày xét xử 19/9/2019, tiền lãi được tính = 116.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng 16 ngày = 14.955.000 đồng. Do đó, tổng cộng vốn và lãi đối với khoản vay ngày 05/4/20418 mà anh Ph phải có nghĩa vụ trả cho chị Ng là 130.955.000 đồng (gồm tiền nợ gốc 116.000.000 đồng + tiền lãi 14.955.000 đồng).

[3.2.3] Cần buộc anh Ph có nghĩa vụ trả cho chị Ng nợ gốc và tiền lãi của cả hai khoản vay ngày 09/11/2017 và ngày 05/4/2018 là 167.333.000 đồng (gồm 36.378.000 đồng + 130.955.000 đồng).

[3.3] Đối với nội dung yêu cầu chịu nghĩa vụ liên đới trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy tại đơn khởi kiện chị Ng có yêu cầu ông Đoàn Như H phải có nghĩa vụ liên đới với anh Ph trả nợ cho chị Ng. Nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa chị Ng xác định không yêu cầu trách nhiệm liên đới đối với ông H, ông H và anh Ph cũng xác định khoản vay này không liên quan đến ông H nên Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận nội dung này.

[4] Về án phí: chị Ng, anh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 357, 463, 466, 470, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 26, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng Ng đối với anh Đoàn Hải Ph về việc tranh chấp hợp đồng vay.

2. Buộc anh Đoàn Hải Ph trả cho chị Lê Thị Hồng Ng số tiền nợ vay gốc và lãi là 167.333.000 đồng *(một trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba ngàn đồng)*.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Ghi nhận nội dung chị Lê Thị Hồng Ng không yêu cầu xem xét trách nhiệm liên đới trả nợ đối với ông Đoàn Như H.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Ph phải chịu 8.366.000 đồng án phí DSST. Buộc chị Ng phải chịu 3.730.900 đồng án phí, khấu trừ vào 5.348.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000874 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đ, hoàn lại chị Ng 1.617.600 đồng.

6. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định đươc thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đ;
- Chi cục THADS H.Cần Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trang